

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST

Ngày: 04-01-2023

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà PhA Thị OAh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2022; theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Dương Văn T, sinh ngày 17/9/1985 tại tỉnh Phú Yên; Tên gọi khác: Đ; Nơi cư trú: 31/27 N, phường S, thành phố T, Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn Đ, sinh năm: 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1965; có vợ là Đồng Thị Minh C, sinh năm: 2000 (đã ly hôn); Tiền án: Ngày 29/10/2019, bị Toà án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/12/2004, bị Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ra Q định đưa vào Cơ sở giáo dục thời hạn 18 tháng; Ngày 11/3/2010, bị Toà án nhân dân thành phố T xử phạt 01 năm 09 ngày tù về tội Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS; Ngày 28/5/2019, bị Công A thành phố Tuy Hòa xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi mAg theo hung khí nhằm mục đích gây thương tích cho người khác.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2022. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Thái H – Luật sư, Văn phòng Luật sư Phạm Thái H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hoà. Địa chỉ: đường L, TDP B3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hoà. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm: 1975; Địa chỉ: khu phố P2, phường C, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Minh C, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 11/3 N, phường B, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

2/ Ông PhA Văn T, sinh năm: 1980; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, Phú Yên. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 24/4/6 L, phường A, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1976; Địa chỉ: khu phố N5, phường C, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

3/ Bà Đoàn Bảo T, sinh năm: 1997; Địa chỉ: khu phố N5, phường C, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

4/ Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1985; Địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

5/ Ông Trần Phi V, sinh năm: 1991; Địa chỉ: 183 N, PHường T, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

6/ Ông Trương Công N – Cán bộ Công A phường C, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

7/ Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1968; Địa chỉ: khu phố P2, phường C, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

8/ Ông MAg Ngọc T, sinh năm: 1967; Địa chỉ: khu phố P2, phường C, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

9/ Bà Hà Thị Thuỷ M, sinh năm: 1989; Địa chỉ: thôn L 1, xã B, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2002, bà Nguyễn Thị Trúc P mua mảnh đất ở khu phố P2, Phường C, thị xã T (nay là thành phố T) của ông Nguyễn N, diện tích 72m² với giá 35.000.000 đồng, có giấy viết tay (không công chứng). Sau đó, bà P xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất trên và sinh sống tại đây cho đến năm 2014 thì vào TP. Hồ Chí Minh làm thuê, lâu lâu mới về nhà. Năm 2015, bà P cho em trai là Nguyễn Đình Q ở nhờ tại đây, đến giữa năm 2016 thì Q chuyển đi. Đầu tháng 2/2021, bà P nghe Q nói bị Dương Văn T ép bán căn nhà của bà P ở thành phố T để trừ nợ nên bà P về thành phố T, khi về đến nhà thì thấy nhà đã bị thay ổ khóa mới, phía trước treo biển bán nhà, có số điện thoại liên hệ, tên người cần liên hệ

là Đỗ (tức Dương Văn T). Bà P gọi điện cho T hẹn gặp T tại nhà mình. Khi T và bà P gặp nhau, bà P nói với T đây là nhà của bà P, còn T nói ngôi nhà này đã được Q bán cho T với giá 235.000.000 đồng và đưa cho bà P xem giấy bán nhà ghi ngày 28/12/2020, có chữ ký của T, Q và 02 người làm chứng là Nguyễn Ngọc A, Lữ Nguyễn Phi D. Sau đó, T biết đó là nhà của bà P không phải nhà của Q nên tháo biển bán nhà. Bà P thay lại ổ khóa nhà, có đưa cho em gái là Nguyễn Thị Trúc L 01 chìa khóa.

Ngày 18/3/2021, T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T giải Q gồm: Yêu cầu ông Nguyễn Đình Q phải bàn giao ngôi nhà ở khu phố P2, Phường 9, thành phố T cho T và bà Nguyễn Thị Trúc P không được ở trong ngôi nhà trên. Đến ngày 11/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố T đã ra Q định thụ lý số 66/2021/TLST-DS đối với yêu cầu khởi kiện của T và thông báo cho T biết nhưng chưa đưa ra xét xử.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/12/2021, trong lúc bà P đAg ở TP Hồ Chí Minh, T rủ Lê Minh C mAg theo máy cắt sắt và ổ cắm điện đến nhà bà P, trên đường đi T mua 01 ổ khóa mới. Khi đến nơi, T và C gặp bà Nguyễn Thị Trúc L cùng con gái là Đoàn Bảo T đAg ở trong nhà bà P, T nói bà L giao chìa khóa nhà không sẽ cắt ổ khóa, bà L sợ bị đánh nên đi về. T giao ổ khóa mới mua cho Lê Minh C, dặn có đi đâu thì khóa cửa lại, đừng mở khóa cho bất cứ ai vào, nếu ai đến thì điện thoại cho T. Sau đó, C rủ thêm Trần Phi V đến ở cùng tại nhà bà P. Sau khi rời khỏi nhà bà P thì bà L gọi điện cho bà P báo lại sự việc và đến Công A Phường C báo cáo sự việc. Đến khoảng 10h ngày 07/12/2021, bà P, bà L đến Công A Phường C mAg theo các giấy tờ để xác định ngôi nhà T chiếm giữ là nhà của bà P. Sau khi kiểm tra, Công A Phường 9 phân công Ah Trương Công N – cán bộ Công A Phường C cùng bà L, bà P đến nhà bà P. Khi đến nơi, thấy C và V đAg ở trong nhà, ổ khóa đã thay mới nên bà P và bà L không mở cửa được, Ah N và bà P gọi C ra mở cửa để làm việc nhưng C không mở mà gọi điện cho T tới. T và Nguyễn Ngọc A tới thì C mới mở cửa, T đưa giấy mua bán nhà cho Ah N xem và nói đây là nhà của mình, T đứng trước cửa không cho ai vào nhà và cãi nhau với bà P về việc trAh chấp mua bán nhà. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Công A thành phố THòa đến đưa T về trụ sở Công A Phường C làm việc, lúc này bà P mới vào nhà của mình được.

Vật chứng vụ án và tài sản tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 78H2-4204; 01 bình đun nước siêu tốc; 01 con dao; 03 vỏ gói mì ăn liền; 01 áo thun màu xAh; 01 quần lửng jeAs; 01 áo khoác màu đen; 01 mũ bảo hiểm; 01 cặp xách màu đen; 01 ổ khóa treo kích thước (4,9x5,8x1,8)cm; 01 ổ khóa kích thước (5,8x4x2)cm; 01 chùm chìa khóa.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Trúc P không bị thiệt hại gì về tài sản nên không yêu cầu gì.

Tại Bản cáo trạng số 87/CT-VKSTH ngày 10/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo về tội “Xâm phạm

chỗ ở của người khác” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại bà Nguyễn Thị Trúc P vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự.

- Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của Nguyễn Đình Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Về cơ bản thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát, nhưng áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa đủ mà cần xem xét áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Việc Cơ quan điều tra không xử lý Nguyễn Đình Q về hành vi lừa đảo là thiếu sót và bỏ lọt tội phạm, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự kiến nghị Viện kiểm sát ra Q định khởi tố vụ án hình sự đối với ông Q về hành vi lừa đảo. Vì Q viết giấy bán nhà nên mới dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; do bị cáo suy nghĩ hạn hẹp, hiện bị cáo đã tạm giam được 06 tháng 19 ngày nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức hình phạt bằng thời gian tạm giam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa luận tội giữ nguyên Q định truy tố. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 158; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng; Về xử lý vật chứng vụ án và tài sản tạm giữ: Trả lại cho Lê Minh C 01 xe mô tô biển số 78H2-4204. Tịch thu, tiêu huỷ: 01 bình đun nước siêu tốc; 01 con dao; 03 vỏ gói mì ăn liền; 01 áo thun màu xanh; 01 quần lưng jeans; 01 áo khoác màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 cặp xách màu đen; 01 ổ khóa treo kích thước (4,9x5,8x1,8)cm; 01 ổ khóa kích thước (5,8x4x2)cm; 01 chùm chìa khóa. Về án phí: bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra soát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét tư cách tham gia tố tụng của Nguyễn Đình Q, thấy rằng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA đến vụ án là người không tham gia thực hiện tội phạm hoặc có tham gia nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và Toà án phải xử lý quyền lợi, tài sản của họ liên quA đến tội phạm. Trong vụ án này, Toà án không xử lý quyền lợi, tài sản của Q liên quA đến tội phạm của bị cáo nên Q không được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA đến vụ án mà được xác định với tư cách là người làm chứng là đúng quy định tại Điều 66 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với hành vi viết giấy bán nhà của Q với bị cáo, ngày 12/9/2022 Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A thành phố Tuy Hoà có Q định tách hành vi và tài liệu liên quA trong vụ án hình sự số 02/QĐ-ĐTTH; đã tách thành nguồn tin về tội phạm mới để tiếp tục kiểm tra, xác minh theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở xem xét đề nghị của Luật sư kiến nghị khởi tố vụ án liên quA đến hành vi này.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quA điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA, những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 06, 07/12/2021, mặc dù biết nhà tại khu phố P2, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên là chỗ ở của bà Nguyễn Thị Trúc P nhưng bị cáo đã có hành vi đến dùng ổ khoá mới thay, khoá cửa nhà và nhờ người ở trông coi, không cho ai vào nhà là chiếm giữ chỗ ở của người khác và cản trở không cho người quản lý hợp pháp vào chỗ ở của mình; nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Theo quy định tại Điều 22 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 thì: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý”*. Bà Nguyễn Thị Trúc P mua đất và xây nhà trên đất tại khu phố P2, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên từ năm 2002 được UBND phường C, thành phố T xác nhận; bà đã sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ngôi nhà này từ đó đến nay nên đây xác định là chỗ ở hợp pháp của bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật cư trú năm 2020. Hành vi của bị cáo chiếm giữ chỗ ở của bà P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, ảnh hưởng đến quyền tự do, dân chủ của công dân, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 29/10/2019, bị Toà án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật

Hình sự; nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời giA nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, thấy rằng: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã khai báo đầy đủ về diễn biến hành vi phạm tội của mình nhưng bị cáo cho rằng hành vi này của bị cáo là không phạm tội do xuất phát từ giao dịch dân sự, thể hiện về sự nhận thức của bị cáo. Nhưng tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật và tự nguyện nhận tội; bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; do đó áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với đề nghị của Luật sư cho rằng cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không có cơ sở; vì đây là tội phạm về xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, thiệt hại xảy ra là quyền tự do, dân chủ chứ không phải là thiệt hại về vật chất. Đối với đề nghị xử phạt bị cáo bằng thời giA tạm giam của Luật sư, HĐXX xem xét không áp dụng.

[6] Đối với Lê Minh C, Nguyễn Ngọc A, Trần Phi V qua quá trình điều tra đều khai không biết nhà bị cáo chiếm giữ là nhà của bà Nguyễn Thị Trúc P, Toà án nhân dân thành phố T đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung về vai trò đồng phạm của C, A, V nhưng không được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà chấp nhận nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự của C, A, Vàng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, chức vụ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 158 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng vụ án và tài sản tạm giữ: Đối với 01 xe mô tô biển số 78H2-4204 thu giữ của ông Lê Minh C, không liên quA đến việc phạm tội nên trả lại cho ông C.

Đối với: 01 bình đun nước siêu tốc; 01 áo thun màu xAh; 01 quần lửng jeAs; 01 con dao; 03 vỏ gói mì ăn liền; 01 áo khoác màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 cặp xách màu đen; 01 ổ khóa kích thước (4,9x5,8x1,8)cm; 01 ổ khóa kích thước (5,8x4x2)cm; 01 chùm chìa khóa, là vật chứng vụ án hoặc tài sản không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu huỷ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Dương Văn T phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 158; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 16/6/2022).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.
- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.
- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho Lê Minh C 01 xe mô tô biển số 78H2-4204 (có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bình đun nước siêu tốc; 01 áo thun màu xAh; 01 quần lửng jeAs; 01 con dao; 03 vỏ gói mì ăn liền; 01 áo khoác màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 cặp xách màu đen; 01 ổ khóa kích thước (4,9x5,8x1,8)cm; 01 ổ khóa kích thước (5,8x4x2)cm; 01 chùm chìa khóa (có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa).

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- Công an thành phố Tuy Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Công Hạnh

Phân Thị Oanh

Trần Lê Mai

